

Số:84/2020/QĐST – HNGĐ

G, ngày 03 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 62/2020/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1980.

Trú tại: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Đình C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Đình C đều xác định vợ chồng có với nhau ba con chung là các cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 11/10/2006, Nguyễn Bảo N, sinh ngày 31/01/2010 và cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 04/02/2013, hiện nay các cháu B, N và A đang ở cùng với anh C. Giao các cháu Nguyễn Thanh B, Nguyễn Bảo N và Nguyễn Trường A cho anh Nguyễn Đình C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu B, N và A đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Nguyễn Đình C. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Đình C tự thoả thuận giải quyết với nhau, đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O nhận nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Oanh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000071, ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Trả lại cho chị O số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N (01 bản);
- VKSND huyện G (02 bản);
- Chi cục THADS huyện G (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- UBND xã G (01 bản);
- Lưu HS, VP (01 bản).

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q